TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 26 tháng 01 năm 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Ngô Sỹ Lượng.

2 - Bà Nguyễn Thị Thương.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nhung - Chức danh: Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2021/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/HSST ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Mạnh H; sinh ngày 26/02/1995 tại thị xã Thái Hòa, Nghệ An; nguyên quán: Xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Khối P, phường Q, Thị xã T, Tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Ngọc V, sinh năm: 1963; con bà Lê Thị L, sinh năm 1969; Có vợ: Bùi Bích P, Sinh năm: 1999 và có một con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/11/2018 bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Thái Hòa khởi tố bị can về tội "Cố ý gây thương tích"; Ngày 20/12/2018 được Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa ra quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can. Bị can đã chấp hành xong tiền nộp phạt xử lý hành chính theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-CATX ngày 20/12/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/10/2020 đến ngày 07/11/2020; hiện đang bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo lệnh số 33 ngày 07/11/2020 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa "có mặt".

* Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan:

- Anh Thái Văn Q, sinh năm 1991.

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An "vắng mặt".

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991.

Trú tại: Khối 250, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An "vắng mặt".
- Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1995.
Trú tại: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An "vắng mặt".
- Chị Ưng Thị H, sinh năm 1961.
Trú tại: Khối T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An "vắng mặt".
- Anh Cáp Xuân L, sinh năm 1998.
Trú tại: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An "vắng mặt".
- Anh Đinh Ngọc Q, sinh năm 1990.
Trú tại: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An "vắng mặt".
* Người chứng kiến: Anh Trần Đình H, Sinh năm 1977.
Trú tại: Khối P, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2017 Trần Mạnh H có mở ốt kinh doanh dịch vụ cầm đồ và đã đứng ra cho những người khác vay lãi nặng bằng hình thức như sau:

Khi có khách hàng vay tiền thì liên hệ hoặc gặp trực tiếp H để vay tiền bằng hình thức bốc họ (vay tín chấp) hoặc cầm cố tài sản, tùy từng người vay và số tiền vay thì H tính lãi suất cũng khác nhau, Trần Mạnh H quy định mức vay lãi suất thấp nhất là 3.300 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương với mức lãi suất 121,65%/năm và cao nhất là 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương với mức lãi suất 365%/năm. Quá trình vay tùy từng trường hợp mà H cho khách hàng vay ký vào một tờ giấy hợp đồng vay hoặc cầm cắm tài sản. Tuy nhiên số giấy tờ này Hiệp đã làm mất. Khi khách hàng đến vay tiền thì tiền lãi có thể bị cắt lãi luôn lúc vay hoặc đến ngày trả lãi thì khách hàng vay tiền có thể gặp trực tiếp H để thanh toán hoặc chuyển khoản tiền lãi qua tài khoản ngân hàng V số 0867000059246 của Trần Mạnh H. Bằng thủ đoạn trên từ tháng 2/2020 đến cuối tháng 10/2020 H đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng với các cá nhân cụ thể:

1. Các giao dịch với anh Thái Văn Q: Vào khoảng tháng 02/2020 vì cần tiền nên anh Q đến gặp H để vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Sau khi thỏa thuận xong thì H cho anh Q vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trong vòng 50 ngày và cắt lãi luôn số tiền 2.000.000 (hai triệu đồng) lãi suất 4.000đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương 146%/năm .0,4%/ngày). Tuy nhiên, mức lãi hợp pháp tính theo lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 BLDS 2015 là 20%/năm tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó số tiền lãi suất mà Trần Mạnh H được hưởng là: 10.000.000 đồng x 0,054794% x 50 (ngày) = 273.970 đồng. Như vậy, Trần Mạnh H đã thu lợi bất chính là: 2.000.000 đồng – 273.970 đồng = 1.726.030 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm ba mươi đồng).

Lần thứ hai vào khoảng tháng 4/2020 Q đến vay H số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) trong vòng 50 ngày và cắt lãi luôn số tiền 3.000.000 đồng (lãi suất 4.000đ/01triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất 146%/năm. 0.4%/ngày). Theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng theo quy định của pháp luật là:

15.000.000 đồng x 0,054794% x 50 (ngày) = 410.955 đồng. Số tiền H đã thu lợi bất chính là: 3.000.000 đồng – 410.955 đồng = 2.589.045 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

Lần thứ ba vào khoảng tháng 5/2020 sau khi trả xong tiền vay trước đó thì Q đến vay H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) trong vòng 50 ngày và H cắt luôn số tiền lãi 4.000.000 đồng (lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương với mức lãi suất 146%/năm .0,4%/ngày). Theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng trong 50 ngày là: 20.000.000 đồng x 0,054794% x 50 (ngày) = 547.940 đồng. Số tiền H đã thu lợi bất chính là: 4.000.000 đồng - 547.940 đồng = 3.452.060 đồng (ba triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, sáu mươi đồng).

Lần thứ tư vào khoảng tháng 7/2020 Q đến vay H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) trong 50 ngày và cắt luôn số tiền lãi 4.000.000 đồng (lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương với mức lãi suất 146%/năm. 0,4%/ngày). Theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng trong 50 ngày là: 20.000.000 đồng x 0,054794% x 50 ngày = 547.940 đồng. Như vậy H đã thu lợi bất chính số tiền: 4.000.000 đồng - 547.940 đồng = 3.452.060 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm sáu mươi đồng).

Tổng cộng qua 04 lần giao dịch H đã cho Q vay với số tiền là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), tổng tiền lãi anh Q đã trả là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng). Tổng số tiền Trần Mạnh H thu lợi bất chính là 1.726.030 đồng + 2.589.045 đồng + 3.452.060 đồng +3.452.060 đồng = 11.219.195 đồng (mười một triệu hai trăm mười chín nghìn một trăm chín mươi lăm đồng).

2. Các giao dịch với chị Nguyễn Thị M: Vào khoảng tháng 3/2020 do cần tiền để lo công việc gia đình nên chị M đến gặp hỏi vay H 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Sau khi thỏa thuận xong thì H cho chị M vay số tiền 10.000.000 đồng trong vòng 50 ngày và số tiền lãi chị M phải trả là 2.500.000 đồng (lãi suất 5.000 đồng/ 01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 182,5%/năm. 0,5%/ngày). Tuy nhiên, mức lãi hợp pháp tính theo lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm tương đương 0,054794%/ngày. Theo đó số tiền lãi suất mà H được hưởng là: 10.000.000 đồng x 0,054794% x 50 (ngày) = 273.970 đồng. Như vậy H đã thu lợi bất chính là: 2.500.000 đồng - 273.970 đồng = 2.226.030 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn ba mươi đồng).

Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 4/2020 bằng hình thức và lãi suất như trên chị M gặp H vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trong 50 ngày với số tiền lãi là 2.500.000 đồng ((lãi suất 5.000đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 182,5%/năm. 0,5%/ngày). Theo đó số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng là: 10.000.000 đồng x 0,054794% x 50 (ngày) = 273.970 đồng. Như vậy H đã thu lợi bất chính số tiền: 2.500.000 đồng - 273.970 đồng = 2.226.030 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn ba mươi đồng).

Lần thứ ba vào đầu tháng 6/2020 bằng hình thức và lãi suất như trên chị M gặp vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trong 50 ngày với số tiền lãi là 2.500.000 đồng (mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 182,5%/năm. 0,5%/ngày). Theo đó số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng là:

10.000.000 đồng x 0,054794% x 50 (ngày) = 273.970 đồng (hai trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi đồng). Như vậy H đã thu lợi bất chính số tiền: 2.500.000 đồng - 273.970 đồng = 2.226.030 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn ba mươi đồng).

Lần thứ tư vào cuối tháng 6/2020 chị M cầm cắm chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA LEAD biển số 37F2-51186 cho H để vay số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) trong vòng 10 ngày và H cắt luôn số tiền lãi 1.200.000 đồng (lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 365%/năm. 01%/ngày). Theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Trần Mạnh H được hưởng trong 10 ngày đầu là: 12.000.000 đồng x 0,054794% x 10 (ngày) = 65.752 đồng. Số tiền Trần Mạnh H đã thu lợi bất chính số tiền: 1.200.000 đồng – 65.752 đồng = 1.134.248 *đồng* (Một triệu một trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng). Tiếp 20 ngày sau, Trần Mạnh H thu lãi số tiền 1.200.000 đồng (lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, 0,5% ngày), Theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Trần Mạnh H được hưởng trong 20 ngày tiếp theo là: 12.000.000 đồng x 0,054794% x 20 (ngày) = 131.505 đồng. Số tiền Trần Mạnh H đã thu lợi bất chính số tiền: 1.200.000 đồng – 131.505 đồng = 1.068.495 đồng (một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng). Tiếp 90 ngày sau, Trần Mạnh H thu lãi số tiền 3.600.000 đồng (lãi suất 3.333đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 121,65%/năm. 0,33%/ngày). Theo đó, số tiền lãi hợp pháp mà Trần Mạnh H được hưởng trong 90 ngày là: 12.000.000 đồng x 0,054794% x 90 (ngày) = 591.775 đồng. Số tiền Trần Mạnh H đã thu lợi bất chính số tiền: 3.600.000 đồng - 591.775 = 3.008.225 đồng (ba triệu tám nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng).

Như vậy qua bốn lần giao dịch Trần Mạnh H đã cho chị Nguyễn Thị M vay số tiền là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) trong đó tiền lãi mà Trần Mạnh H đã thu là 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền Trần Mạnh H thu lợi bất chính là 2.226.030 đồng + 2.226.030 đồng + 2.226.030 đồng + 1.134.248 đồng + 1.068.495 đồng + 3.008.225 đồng = 11.889.058 đồng (mười một triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn, năm mươi tám đồng).

3. Các giao dịch với anh Nguyễn Hồng T: Vào khoảng tháng 4/2020 anh T đến gặp H vay số tiền 37.500.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) trong vòng 50 ngày. Sau khi thỏa thuận thì H cho anh T vay số tiền trên nhưng cắt luôn số tiền lãi 7.500.000 đồng (lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm.0,4%/ngày) và anh T chỉ nhận 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Theo đó số tiền lãi suất hợp pháp mà H được hưởng là: 37.500.000 đồng x 0,054794% x 50 (ngày) = 1.027.387 đồng. Như vậy, số tiền H đã thu lợi bất chính là: 7.500.000 đồng - 1.027.387 đồng = 6.472.613 đồng (sáu triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm mười ba đồng).

Lần thứ hai vào cuối tháng 5/2020 anh T đến gặp H cầm cắm 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE màu xanh đen biển số 37G1-756.47 để vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) trong vòng 15 ngày và H cắt luôn số tiền lãi 1.500.000 đồng (lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương với mức lãi suất 365%/năm. 1%/ngày) và anh T chỉ nhận 13.500.000 đồng (mười ba triệu

năm trăm nghìn đồng). Theo đó số tiền lãi suất hợp pháp mà H được hưởng là: 15.000.000 đồng x 0,054794% x 10 (ngày) = 82.191 đồng (tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi mốt đồng). Như vậy, H đã thu lợi bất chính số tiền: 1.500.000 đồng - 82.191 đồng = 1.417.809 đồng (một triệu bốn trăm mười bảy nghìn tám trăm linh chín đồng).

Tổng cộng qua hai lần giao dịch H đã cho T vay số tiền 52.500.000 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi H đã thu là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 6. 472. 613 + 1.417.809 = 7.890.422 đồng (bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng).

4. Các giao dịch với chị Ưng Thị H: Vào khoảng tháng 6/2020 chị Hường gặp Trần Mạnh H vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) trong 50 ngày và cắt lãi 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và chị H cầm 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Tuy nhiên trong vòng 15 ngày thì chị H đã trả cho Trần Mạnh H số tiền 16.000.000 đồng nên H đã bớt cho chị H 1.000.000 đồng tiền lãi còn 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) (lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương với mức lãi suất 365%/năm. 1%/ngày). Theo đó số tiền lãi suất hợp pháp mà H được hưởng là: 20.000.000 đồng x 0,054794% x 15 (ngày) = 164.382 đồng. Như vậy H đã thu lợi bất chính là: 3.000.000 đồng - 164.382 đồng = 2.835.618 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười tám nghìn đồng).

Vào khoảng tháng 7/2020 chị H gặp H vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trong 50 ngày và tiền lãi phải trả là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) (lãi suất 4.000đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm. 0,4%/ngày). Theo đó số tiền lãi hợp pháp mà Trần Mạnh H được hưởng là: 10.000.000 đồng x 0,054794% x 50 (ngày) = 273.970 đồng. Số tiền H đã thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000 đồng - 273.970 đồng = 1.726.030 đồng (một triệu bảy trăm, hai mươi sáu nghìn không trăm ba mươi đồng).

Như vậy qua hai lần giao dịch H đã cho chị H vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Số tiền lãi H đã thu được là 5.000.000 đồng, trong đó số tiền H thu lợi bất chính là: 2.835.618 đồng + 1.726.030 đồng = 4.561.648 đồng (bốn triệu, năm trăm sáu mươi mốt nghìn, sáu trăm bốn mươi tám đồng).

5. Giao dịch với anh Cáp Xuân L : Vào tháng 8/2020 vì cần tiền để lo công việc nên L đến gặp H vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trong 50 ngày và H cắt luôn số tiền lãi 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) (lãi suất 4.000đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm. 0,4%/ngày). Số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng 50 ngày là 10.000.000 x 0,054794% x 50 (ngày) = 273.970. Như vậy Hiệp đã thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000 đồng - 273.970 đồng = 1.726.030 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm ba mươi đồng).

6. Giao dịch với anh Đinh Ngọc Q: Vào ngày 25/10/2020 Đinh Ngọc Q đến gặp H vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) trong 50 ngày và H cắt luôn số tiền lãi 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) (lãi suất 4.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm. 0,4%/ngày). Số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng 50 ngày là 15.000.000 x 0,054794% x 50 (ngày) = 410.955 đồng. Như vậy H

đã thu lợi bất chính số tiền là: 3.000.000 đồng - 410.955 đồng = 2.589.045 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

Tổng cộng từ tháng 2/2020 đến ngày 25/10/2020 Trần Mạnh H thông qua 14 giao dịch dân sự với 06 cá nhân đã cho vay tổng số tiền 214.500.000 (Hai trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) với mức lãi suất thấp nhất là 121,65%/năm, lãi suất cao nhất là 365%/năm, tổng số tiền lãi Trần Mạnh H đã thu là 45.500.000 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 39.875.398 đồng (ba mươi chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi tám đồng)

Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 28/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Trần Mạnh H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Thái Hoà giữ nguyên quan điểm như đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 - BLHS xử phạt bị cáo Trần Mạnh H từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập của bị cáo trên một tháng để sung quỹ Nhà Nước.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS cụ thể:

+ Đối với số tiền gốc 214.500.000đ đồng, và số tiền lãi trong hạn (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) là 5.624.602 đồng Trần Mạnh H thu được từ việc cho vay, tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đã trả cho H, do đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội và phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu từ H số tiền là 220.124.602đ (hai trăm hai mươi triệu, một trăm hai bốn nghìn, sáu trăm linh hai đồng) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo H đã thu được từ việc cho vay lãi nặng của những người vay bao gồm: Thái Văn Q 11.219.195đ (mười một triệu, hai trăm mười chín nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng); Nguyễn Thị M 11.889.058đ (mười một triệu, tám trăm tám chín nghìn, không trăm năm tám đồng); Nguyễn Hồng T 7.890.422đ (bảy triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng); Ưng Thị H 4.561.468đ (bốn triệu, năm trăm sáu mốt nghìn, sáu trăm bốn tám đồng); Cáp Xuân L 1.726.030đ (một triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng); Đinh Ngọc Q 2.589.045đ (hai triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng); đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay vì tất cả những người vay đều không sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp.

- Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen số IMEI1: 356018086823806; số IMEI2: 356018086823806 đã qua sử dụng, lắp sim số 0966959368 thu giữ của Trần Mạnh H do H đã sử dụng chiếc điện này làm công cụ liên lạc với những người vay.

+Tịch thu tiêu hủy 01 sim số điện thoại di động 0966959368 được lắp trong máy điện thoại thu giữ của Trần Mạnh H do không còn giá trị sử dụng

+ Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng Vietcombank số tài khoản 0861000059246 mang tên Trần Mạnh H, quá trình điều tra xác định chiếc thẻ trên của Trần Mạnh H đã làm mất vào thời gian trước nên không thu giữ được nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Bị cáo H đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát, không tranh luận gì.

Bị cáo H nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thái Hoà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Thái Hoà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến đều vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt; đồng thời trong quá trình điều tra tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như người chứng kiến đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào các Điều 292; 293 BLTTHS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc lập hồi 10 giờ 30 phút ngày 29/10/2020, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người chứng kiến trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa và cũng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, từ đó đã xác định được: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến ngày 25/10/2020, Trần Mạnh H thông qua 14 giao dịch dân sự, cho 06 cá nhân gồm Thái Văn Q, Nguyễn Thị M, Nguyễn Hồng T, Ưng Thị H, Cáp Xuân L, Đinh Ngọc Q, vay lãi nặng với số tiền gốc cho vay là 214.500.000 (hai trăm mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng); mức lãi suất thấp nhất là 121,65%/năm, lãi suất cao nhất là 365%/năm (vượt gấp 6,08 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 BLDS 2015 là 20%/năm**,** bằng 0,054794%/ngày). Tổng số tiền lãi Trần Mạnh H đã thu được của những người vay là 45.500.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi

hợp pháp mà H được hưởng quy định tại Điều 468 BLDS 2015 là 20%/năm**,** bằng 0,054794%/ngày là 5.624.602đ (năm triệu, sáu trăm hai bốn nghìn, sáu trăm linh hai đồng); số tiền thu lợi bất chính là 39.875.398 đồng (Ba mươi chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi tám đồng); nên đã có đầy đủ yếu tố kết luận hành vi của bị cáo Trần Mạnh H đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1, Điều 201 - BLHS năm 2015 như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

[4] Xét tình hình hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn thị xã Thái Hòa nói riêng và cả nước nói chung đang diễn biến ngày càng phức tạp cả về tính chất mức độ phương thức và thủ đoạn. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, nên cần xét xử nghiêm hành vi phạm tội của bị cáo để phòng ngừa chung.

[5] xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; nhân thân không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 - BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt.

[6] Căn cứ vào các quy định của BLHS; tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo theo quy định tại điều 36 BLHS cũng đủ các điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo như lời đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Về khấu trừ một phần thu nhập: Căn cứ vào biên bản xác minh nguồn thu nhập ngày 07/11/2020 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa và qua xét hỏi tại phiên tòa thấy bị cáo có thu nhập mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) nay cần khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Trần Mạnh H là 10% hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước, mỗi tháng bị cáo phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[8] Về hình phạt bổ sung**:** Xét thấy bị cáo có thu nhập thấp, đồng thời đã bị khấu trừ thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9] Về vật chứng vụ án: Gồm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen số IMEI1: 356018086823806; số IMEI2: 356018086823806 đã qua sử dụng, lắp sim số 0966959368 thu giữ của Trần Mạnh H; xét chiếc điện này bị cáo đã làm công cụ liên lạc với những người vay, nên căn cứ vào Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu bán sung quỹ nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01 sim số điện thoại di động 0966959368 được lắp trong máy điện thoại thu giữ của Trần Mạnh H do không còn giá trị sử dụng. Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng V số tài khoản 0861000059246 mang tên Trần Mạnh H, quá trình điều tra xác định chiếc thẻ trên của Trần Mạnh H đã làm mất vào thời gian trước nên không thu giữ được nên không xử lý.

[10] Biện pháp tư pháp: Xét số tiền gốc 214.500.000 đồng, và số tiền lãi trong hạn (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) là 5.624.602 đồng Trần Mạnh H thu được từ việc cho vay thì tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều đã trả cho H, đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và phát sinh từ tội phạm nên cần truy thu từ H số tiền là 220.124.602 đồng (hai trăm hai mươi triệu, một trăm hai bốn nghìn, sáu trăm linh hai đồng) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo Khoản 1 Điều 47 BLHS. Còn số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo H đã thu được từ việc cho vay lãi nặng của những người vay bao gồm: Thái Văn Q 11.219.195 đồng (mười một triệu, hai trăm mười chín nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng); Nguyễn Thị M 11.889.058 đồng (mười một triệu, tám trăm tám chín nghìn, không trăm năm tám đồng); Nguyễn Hồng T 7.890.422 đồng (bảy triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng); Ưng Thị H 4.561.468 đồng (bốn triệu, năm trăm sáu mốt nghìn, sáu trăm bốn tám đồng); Cáp Xuân L 1.726.030đ (một triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng); Đinh Ngọc Q 2.589.045 đồng (hai triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng), thấy rằng tất cả những người vay đều không sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp nên buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 - BLHS năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trần Mạnh H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt Trần Mạnh H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 (chín) ngày tạm giữ (từ ngày 29/10/2020 đến ngày 07/11/2020) bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, còn 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày buộc bị cáo phải chấp hành. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Mạnh H về cho UBND phường Quang Tiến, thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình Trần Mạnh H có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Quang Tiến, thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An nơi Trần Mạnh H cư trú trong việc giám sát giáo dục.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Trần Mạnh H với số tiền là 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước. Mỗi tháng Trần Mạnh H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS, tuyên:

+ Tịch thu bán hóa giá để sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen số IMEI1: 356018086823806; số IMEI2:

356018086823806 đã qua sử dụng, lắp sim số 0966959368 thu giữ của Trần Mạnh H.

+Tịch thu tiêu hủy 01 sim số điện thoại di động 0966959368 được lắp trong máy điện thoại thu giữ của Trần Mạnh H do không còn giá trị sử dụng.

- Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS: Truy thu nơi Trần Mạnh H số tiền 214.500.000 đồng tiền gốc, và số tiền lãi trong hạn (tương ứng mức lãi suất 20%/năm) là 5.624.602 đồng; Tổng cộng là 220.124.602 đồng (hai trăm hai mươi triệu, một trăm hai bốn nghìn, sáu trăm linh hai đồng) để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ Buộc Trần Mạnh H phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính bao gồm: Thái Văn Q 11.219.195 đồng (mười một triệu, hai trăm mười chín nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng); Nguyễn Thị M 11.889.058 đồng (mười một triệu, tám trăm tám chín nghìn, không trăm năm tám đồng); Nguyễn Hồng T 7.890.422 đồng (bảy triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng); Ưng Thị H 4.561.468 đồng (bốn triệu, năm trăm sáu mốt nghìn, sáu trăm bốn tám đồng); Cáp Xuân L 1.726.030 đồng (một triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi đồng); Đinh Ngọc Q 2.589.045 đồng (hai triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng).

- Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án). Buộc bị cáo Trần Mạnh H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QL & NV liên quan;
- VKSND thị xã Thái Hoà;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an thị xã Thái Hoà;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hoà;
- Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở t- pháp tỉnh Nghệ An;
- L- u hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngoan